

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 19-11-2019  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Sinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Bùi Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà BTH, địa chỉ: Số 25/32 (số cũ 83 T14) đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông DNT, địa chỉ: Số 68/152 đường D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà BTH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà BTH và ông DNT kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng vào

ngày 13-01-1989. Quá trình chung sống đến năm 1999, hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông DNT thường xuyên sử dụng ma túy, thiếu chăm chỉ lao động, hạn chế đóng góp chung trong cuộc sống gia đình, thường xuyên chửi, đánh vợ, con vô cớ. Bà cố gắng chịu đựng cho con trưởng thành, nhưng đến nay không thể chịu đựng được hơn, bà phải sống ly thân từ tháng 7-2018, thường xuyên chuyển chỗ ở, tránh sự bạo hành của chồng. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông DNT.

Về con chung: Ông, bà có hai con chung là cháu F, sinh năm 1986 bị khuyết tật do bị viêm màng não từ nhỏ và cháu G, sinh năm 1991 hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng. Ly hôn, bà đề nghị được nuôi cháu F. Về cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận và không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo Bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông DNT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, những nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân không được cải thiện, thực trạng ly thân từ tháng 7-2018. Ông không đồng ý ly hôn và mong muốn bà BTH bỏ qua các vấn đề mâu thuẫn để ông có cơ hội thay đổi bản thân, vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông thừa nhận hai con chung là cháu F bị khuyết tật do bị viêm màng não từ nhỏ, cháu G trên 18 tuổi. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao bà BTH nuôi cháu F bị khuyết tật. Về cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận và không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn, bảo đảm quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà BTH được ly hôn ông DNT, giao bà BTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu F bị

khuyết tật, không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tòa án thụ lý, giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bảo đảm quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn được triệu tập hợp lệ, nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc xét xử vắng mặt bị đơn, phù hợp quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Về nhận định các tình tiết của vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà BTH và ông DNT đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp. Bà BTH, ông DNT đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, bà BTH chuyển về nhà mẹ sống ly thân từ tháng 7-2018. Ông DNT vắng mặt tại phiên họp hòa giải và các phiên tòa xét xử là một trong những căn cứ hợp pháp để đánh giá ông từ bỏ nguyện vọng, mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, phù hợp với trình bày của đương sự, thể hiện quan hệ giữa vợ, chồng đương sự trong tình trạng trầm trọng, không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng cuộc sống ly thân kéo dài, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà BTH được ly hôn với ông DNT, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà BTH, ý kiến thống nhất của ông DNT về việc bà BTH tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu F bị khuyết tật do bị viêm màng não từ nhỏ, không có khả năng lao động, không có tài sản tự nuôi bản thân, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[6] Kiến nghị Cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú của đương sự và các cơ quan nhà nước có

thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, khi đủ căn cứ xác định có hành vi bạo lực gia đình theo trình bày của bà BTH thuộc trường hợp cấm các hành vi vi phạm bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình theo quy định điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và Gia đình quy định chế độ hôn nhân và gia đình phải bảo đảm nguyên tắc: *Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình.*

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà BTH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà BTH.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà BTH được ly hôn ông DNT.

- Về con chung: Bà BTH trực tiếp nuôi dưỡng cháu F bị khuyết tật cho đến khi con có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ luật Dân sự hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà BTH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008173 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, nên bà BTH nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, quận C;
- UBND phường B, quận C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Sinh**